

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 1: Giá trị sản xuất của thủy sản nuôi trồng của nước ta tăng mạnh, nguyên nhân chủ yếu do

- A. sản lượng tăng nhanh và liên tục.
- B. đẩy mạnh công nghiệp chế biến.
- C. diện tích nuôi trồng tăng nhanh.
- D. mở rộng các thị trường xuất khẩu.

Câu 2: Để khai thác hiệu quả tính mùa vụ của nông nghiệp nước ta hiện nay, biện pháp chủ yếu là

- A. áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- B. nghiên cứu và lai tạo nhiều giống nhằm thích ứng với thời tiết từng vụ.
- C. đào tạo, bổ sung nguồn lao động chất lượng cao đáp ứng cho sản xuất.
- D. đẩy mạnh hoạt động giao thông vận tải và tăng cường khâu chế biến.

Câu 3: Thành tựu trong cán cân thương mại của nước ta đang chuyển dần sang xuất siêu nguyên nhân chủ yếu do

- A. nhu cầu nhập nguyên liệu giảm.
- B. sự suy yếu của các đối thủ cạnh tranh.
- C. việc mở rộng nhiều thị trường mới.
- D. sản xuất trong nước phát triển mạnh.

Câu 4: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc dân số nước ta vẫn tăng gần một triệu người hàng năm là do

- A. cơ cấu dân số còn trẻ.
- B. quy mô dân số đông.
- C. tỉ suất sinh vẫn cao.
- D. số người nhập cư lớn.

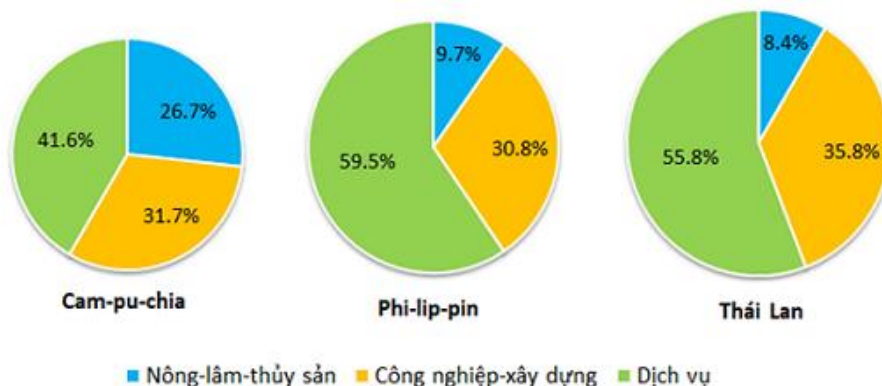
Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết chè được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

- A. Gia Lai.
- B. Lâm Đồng.
- C. Đắk Lắk.
- D. Đắk Nông.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Bình Định?

- A. Tuy Hòa.
- B. Nha Trang.
- C. Quy Nhơn.
- D. Phan Thiết.

Câu 7: Cho biểu đồ về GDP phân theo khu vực kinh tế của một số quốc gia, năm 2016:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

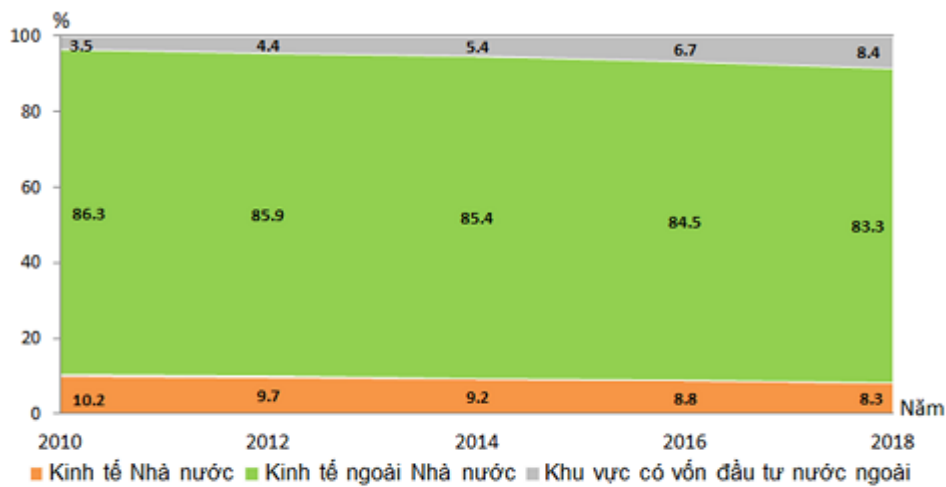
Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng và cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế năm 2016.
- B. Quy mô và cơ cấu GDP phân theo các khu vực kinh tế năm 2016.
- C. Thay đổi trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế năm 2016.
- D. Giá trị GDP phân theo khu vực kinh tế của các quốc gia năm 2016.

Câu 8: Biện pháp **không** được sử dụng trong việc bảo vệ tài nguyên đất ở nước ta là

- A. tăng cường sử dụng các loại phân hóa học.
- B. chống glây, nhiễm phèn và nhiễm mặn đất.
- C. chống ô nhiễm do nước thải công nghiệp.
- D. thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Câu 9: Cho biểu đồ:



**CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ
CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2018**

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi cơ cấu sử dụng lao động phân theo các thành phần kinh tế ở nước ta, giai đoạn 2010 – 2018?

- A. Tăng tỉ trọng lao động ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- B. Khu vực Nhà nước tỉ trọng luôn thấp nhất và xu hướng giảm.
- C. Tỉ trọng lao động của các thành phần kinh tế không thay đổi.
- D. Xu hướng tăng tỉ trọng lao động ở khu vực ngoài Nhà nước.

Câu 10: Số dân đô thị có sự chênh lệch giữa các vùng miền ở nước ta chủ yếu là do

- A. dân cư phân bố không đồng đều.
- B. điều kiện tự nhiên nhiều khác biệt.
- C. phân chia các đơn vị hành chính.
- D. trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 11: Ý nghĩa về mặt tự nhiên của vị trí địa lí nước ta là

- A. khí hậu có nền nhiệt cao, phân mùa rõ rệt.
- B. thuận lợi giao lưu kinh tế khu vực, thế giới.

C. tránh được các cuộc chiến tranh thương mại.

D. không chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai.

Câu 12: Nguyên nhân chủ yếu làm cho địa hình nước ta có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao là do

A. hoạt động nội lực vẫn thường xảy ra trên toàn lãnh thổ.

B. tác động mạnh từ các hoạt động kinh tế của con người.

C. vận động tân kiến tạo làm trẻ lại trên nền cấu trúc cổ.

D. tác động mạnh từ hoạt động ngoại lực xứ sở nhiệt đới.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết ngành công nghiệp có mặt ở tất cả các trung tâm của Đồng bằng sông Hồng là

A. cơ khí, vật liệu xây dựng.

C. cơ khí, luyện kim.

B. hóa chất, đóng tàu.

D. dệt, luyện kim.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, nhận xét nào sau đây **không** đúng về ngành công nghiệp năng lượng?

A. Tây Nguyên có số lượng nhà máy thủy điện nhiều nhất cả nước.

B. Các mỏ than (trên 1 triệu tấn/năm) tập trung ở vùng Đông Bắc.

C. Các nhà máy nhiệt điện có mặt ở tất cả các vùng trong cả nước.

D. Các mỏ dầu đang khai thác, tập trung ở thềm lục địa phía Nam.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi nào sau đây cao hơn cả?

A. Yên Tử.

B. Mẫu Sơn.

C. Phia Uắc.

D. Tam Đảo.

Câu 16: Biện pháp nào sau đây là chủ yếu giúp Đồng bằng sông Cửu Long phát triển một nền nông nghiệp hiệu quả và bền vững?

A. Áp dụng khoa học kĩ thuật và sử dụng nhiều phân bón.

B. Cải tạo tự nhiên song hành với từng bước thích ứng.

C. Nhập nhiều giống cây trồng, lai tạo với giống bản địa.

D. Phát triển hệ thống thủy lợi và đẩy mạnh việc tăng vụ.

Câu 17: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2018

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm		2010	2015	2018
Tổng số		55 739,8	138 336,1	213 088,9
PHÂN THEO	Hàng khoáng sản	8 323,0	6 078,0	5 485,0
	Hàng công nghiệp nặng	14 079,9	67 441,7	116 898,9
	Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp	33 336,9	64 816,4	90 705,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tổng giá trị xuất khẩu phân theo các nhóm ngành công nghiệp của nước ta qua các năm 2010; 2015 và 2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột chồng. B. Kết hợp. C. Tròn. D. Cột nhóm.

Câu 18: Nhân tố nào sau đây là chủ yếu giúp thiên nhiên nước ta bảo toàn được tính nhiệt đới?

- A. Vị trí giáp biển, kho nhiệt ẩm khổng lồ điều hòa.
B. Lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang đón nhiều khối khí.
C. Địa hình nhiều đồi núi song chủ yếu đồi núi thấp.
D. Vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

Câu 19: Để tăng hệ số sử dụng đất nông nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ, biện pháp nào sau đây là chủ yếu?

- A. Xây dựng các hồ chứa nước và bảo vệ rừng đầu nguồn.
B. Đầu tư công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp.
C. Tăng cường nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp.
D. Sử dụng nhiều giống cây thích nghi điều kiện của vùng.

Câu 20: Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta là

- A. khắc phục tình trạng cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường.
B. tiến tới sự phát triển đồng đều giữa các vùng trong cả nước.
C. thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngoài nước.
D. nhằm khai thác hiệu quả mọi nguồn lực của các vùng, miền.

Câu 21: Nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo động lực cho ngành vận tải đường biển của nước ta phát triển mạnh trong thời gian tới?

- A. Lao động trình độ cao đáp ứng các yêu cầu sử dụng.
B. Nền kinh tế nước ta hội nhập sâu rộng với thế giới.
C. Đường bờ biển dài, chủ quyền vùng biển rộng lớn.
D. Nguồn lực đầu tư trong, ngoài nước được huy động.

Câu 22: Nhân tố nào sau đây là chủ yếu giúp cho ngành chăn nuôi gia súc của Trung du miền núi Bắc Bộ ngày càng phát triển?

- A. Công nghiệp chế biến các sản phẩm chăn nuôi ngày càng được hoàn thiện.
B. Thị trường tiêu thụ ngày càng rộng lớn, nhu cầu về thịt, sữa ngày càng cao.
C. Áp dụng các biện pháp khoa học – kỹ thuật tiên tiến trong việc lai tạo giống.
D. Nhà nước có nhiều chính sách khuyến khích đầu tư và phát triển chăn nuôi.

Câu 23: Việc tiến hành sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở nước ta đang gặp phải khó khăn chủ yếu nào sau đây?

- A. Thiếu vốn đầu tư, việc áp dụng khoa học chưa rộng rãi.
B. Thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước luôn biến động.

C. Trình độ lao động hạn chế, cơ sở vật chất còn lạc hậu.

D. Tình trạng thiên tai và dịch bệnh thường xuyên xảy ra.

Câu 24: Để nâng cao hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững đối với hoạt động lâm nghiệp, Tây Nguyên cần thực hiện biện pháp chủ yếu nào sau đây?

A. Phòng tránh các sự cố cháy rừng vào mùa khô.

B. Khoanh nuôi, tái sinh và đẩy mạnh trồng rừng.

C. Đóng cửa vĩnh viễn đối với khu rừng tự nhiên.

D. Triển khai đồng bộ mô hình nông, lâm kết hợp.

Câu 25: Ý nghĩa tạo bước ngoặt quan trọng từ việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

A. góp phần đẩy nhanh việc hình thành cơ cấu kinh tế của vùng.

B. thay đổi sự phân công lao động theo lãnh thổ và theo ngành.

C. tăng khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.

D. tăng cường các mối giao thương với nhiều nước láng giềng.

Câu 26: Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm với cơ cấu ngành đa dạng và phân bố rộng khắp, chủ yếu do

A. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.

B. đầu tư vốn thấp, không đòi hỏi kỹ thuật cao.

C. có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

D. lao động dồi dào đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 3 **không** đi qua tỉnh nào sau đây?

A. Thái Nguyên.

B. Cao Bằng.

C. Bắc Giang.

D. Bắc Kạn.

Câu 28: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1 910,0	330,8	300,0	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	31,6	105,0	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **không** đúng khi so sánh mật độ dân số của một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, năm 2017?

A. In-đô-nê-xi-a cao hơn Thái Lan.

C. Phi-lip-pin thấp hơn In-đô-nê-xi-a.

B. Phi-lip-pin cao hơn Thái Lan.

D. Ma-lai-xi-a thấp hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 29: Tình trạng ô nhiễm môi trường không khí ở nước ta (bụi mịn PM2.5) đang diễn ra nghiêm trọng ở

- A. các vùng ven biển.
- B. các thành phố lớn.
- C. các vùng cao nguyên.
- D. các vùng nông thôn.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích cây công nghiệp lâu năm nhiều hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Bình Định.
- B. Khánh Hòa.
- C. Phú Yên.
- D. Ninh Thuận.

Câu 31: Ngành du lịch của Đồng bằng sông Hồng đang ngày càng phát triển chủ yếu là do

- A. cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch hoàn thiện.
- B. những đổi mới trong phát triển du lịch của các địa phương.
- C. đông dân, nguồn lao động phục vụ cho ngành du lịch dồi dào.
- D. sự đa dạng về tài nguyên du lịch nhân văn, du lịch tự nhiên.

Câu 32: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây **không** thuộc miền khí hậu phía Nam?

- A. Nam Trung Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Nam Bộ.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tỉnh nào sau đây chưa hình thành trung tâm công nghiệp?

- A. Tiền Giang.
- B. Bình Dương.
- C. Đồng Nai.
- D. Bình Phước.

Câu 34: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho diện tích gieo trồng lúa ngày càng giảm ở khu vực Đông Nam Á?

- A. Ảnh hưởng của nhiều hiện tượng thiên tai.
- B. Khả năng cơ giới hóa còn nhiều hạn chế.
- C. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng.
- D. Trồng cây công nghiệp lâu năm giá trị cao.

Câu 35: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hệ thống sông nào dưới đây **không** trực tiếp đổ ra biển?

- A. Sông Mê Công.
- B. Sông Thái Bình.
- C. Sông Hồng.
- D. Sông Kỳ Cùng – Bằng Giang.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp biển?

- A. Hải Dương.
- B. Quảng Ninh.
- C. Thái Bình.
- D. Nam Định.

Câu 37: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động du lịch biển của nước ta trong những năm gần đây?

- A. Nhiều vùng biển, đảo mới được đưa vào khai thác có hiệu quả.
- B. Có nhiều khu du lịch biển nổi tiếng ở cả miền Bắc, Trung, Nam.
- C. Các trung tâm du lịch biển được nâng cấp ở nhiều địa phương.
- D. Đến với các khu du lịch biển ở nước ta chủ yếu là khách quốc tế.

Câu 38: Khó khăn lớn nhất mà ASEAN cần phải vượt qua nhằm tăng cường sự hợp tác và gắn kết giữa các nước thành viên là

- A. trình độ phát triển kinh tế chênh lệch.
- B. tình trạng đói nghèo vẫn còn xảy ra.
- C. sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên.
- D. sự khác biệt về tôn giáo và chính trị.

Câu 39: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh khai thác tổng hợp tài nguyên vùng biển và hải đảo nước ta là

- A. khẳng định chủ quyền lãnh thổ và bảo vệ an ninh biển, hải đảo.
- B. tạo dựng bộ mặt kinh tế mới và nhằm thu hút nhiều nhà đầu tư.
- C. tạo nên tính liên hoàn giữa không gian đất liền – biển – hải đảo.
- D. đem lại những hiệu quả kinh tế cao nhất và bảo vệ môi trường.

Câu 40: Đông Nam Bộ có hoạt động dịch vụ phát triển nhất cả nước, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. cơ sở vật chất – kỹ thuật hoàn thiện và dân số tập trung đông.
- B. nền kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống người dân cao.
- C. thu hút được nhiều nguồn lực đầu tư cả trong và ngoài nước.
- D. sự năng động trong điều hành và chuyển dịch cơ cấu ngành.